TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CON CUÔNG
TỈNH NGHỆ AN

Bản án số: 170 /2023/ST-HNGĐ
Ngày 21/ 12 /2023
"V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình".

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CON CUÔNG - TỈNH NGHỆ AN
Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lữ Thị Dung
Các hội thẩm nhân dân: Ông Hà Minh Tuấn; Bà Võ Thị Hồng Long
Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lê - Thư ký Toà án nhân dân huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 131/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2023 về việc "*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66 /2023/QĐXX-ST, ngày 01 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn: Chị Lương Thị T - sinh năm 1987** – có mặt.
- **Bị đơn: Anh Ngân Văn T1 - sinh năm 1984** - vắng mặt.

Đều có địa chỉ: Bản K, xã L, huyện C, Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị Lương Thị T trình bày:

- Về tình cảm: Chị Lương Thị T và anh Ngân Văn T1 kết hôn vào ngày 16/01/2007, đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện C, tỉnh Nghệ An, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên bất đồng, cãi vã, xúc phạm lẫn nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, anh T1 không quan tâm đến gia đình, vợ con, mặc dù đã được gia đình hai bên nội ngoại hòa giải nhiều lần và hai vợ chồng đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng cuộc sống có quá nhiều mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau,

tình cảm vợ chồng không còn nên chị Lương Thị T làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ngân Văn T1.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị T có 02 người con chung là Ngân Văn T2, sinh ngày 02/12/2007 và Ngân Văn T3, sinh ngày 30/10/2013, hiện đang sinh sống cùng chị T, nếu ly hôn chị T có nguyện vọng trực tiếp nuôi 02 người con chung và không yêu cầu anh Ngân Văn T1 phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị Lương Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng chị T không nợ tổ chức, cá nhân nào và cũng không ai nợ vợ chồng chị .

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm anh Ngân Văn T1 đều vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập nhiều lần nên Tòa án không thể tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định tại Điều 204; 207; 208 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Con Cuông phát biểu ý kiến theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự như sau:

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng; nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Lương Thị T; Về con chung: Giao 02 người con chung Ngân Văn T2, sinh ngày 02/12/2007 và Ngân Văn T3, sinh ngày 30/10/2013 cho chị Lương Thị T trực tiếp nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung của vợ chồng chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; Về án phí chị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình, bị đơn hiện cư trú tại Bản K, xã L, huyện C, tỉnh Nghệ An nên Tòa án nhân dân huyện Con Cuông thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Qua xác minh tình trạng hôn nhân của chị Lương Thị T và anh Ngân Văn T1 tại UBND xã L, huyện C cho biết, sau khi kết hôn vợ chồng chị T và anh T1 sinh sống tại Bản K, xã L, huyện C, tỉnh Nghệ An, hiện tại anh T1 không có mặt ở địa phương đi đâu, làm gì, địa chỉ cụ thể thì chính quyền, địa phương không biết. Tại biên bản lấy lời khai anh Ngân Văn M - Trú tại Bản C, xã M, huyện C là anh trai ruột của anh Ngân Văn T1 cho biết, bố mẹ anh T1 đều đã chết, anh M là người thân duy nhất của anh T1, anh T1 sau khi kết hôn với chị T thì chuyển hộ khẩu về chung sống với chị T tại bản Khe Thơi, xã L, huyện C, thỉnh thoảng ngày lễ, ngày tết anh T1 có về nhà anh M để thắp hương cho bố mẹ, hiện tại anh T1 nói đang đi làm ăn xa nhà, thỉnh thoảng có gọi điện cho anh M hỏi thăm sức khỏe, nhưng địa chỉ cụ thể làm việc gì, ở đâu thì anh M không biết, anh M mặc dù đã được nghe đọc lại biên bản lấy lời khai, xác nhận lời khai của anh là đúng sự thật nhưng không ký vào biên bản, anh M cũng không nhận các văn bản tố tụng của Tòa án đến tống đạt cho anh T1 nên Tòa án tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng tại thôn nơi anh T1 cư trú và tại trụ sở UBND xã L, huyện C, tỉnh Nghệ An theo đúng quy định pháp luật.

Như vậy, bị đơn đã thay đổi nơi cư trú nhưng không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú mới. Theo quy định tại Điều 40; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự thì được coi là cố tình che giấu địa chỉ nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tụng chung là phù hợp với hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Ngân Văn T1 đã được Tòa án niêm yết hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập để trình bày ý kiến; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh Ngân Văn T1 theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Ngân Văn T1 không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện nên Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp và Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét thấy chị Lương Thị T và anh Ngân Văn T1 đăng ký kết hôn vào ngày 16/01/2007, tại UBND L, huyện C, tỉnh Nghệ An, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm quy định về điều kiện và thủ tục kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Lương Thị T và anh Ngân Văn T1 là hợp pháp.

Tuy nhiên trong quá trình chung sống vợ chồng chị T và anh T1 phát sinh nhiều mâu thuẫn và sống ly thân với nhau từ năm 2019 cho đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, như vậy chị T và anh T1 đã vi phạm tình nghĩa vợ chồng.

Tại phiên tòa anh Ngân Văn T1 vắng mặt không có ý kiến trình bày nhưng qua xác minh tại địa phương và gia đình cho biết: Quá trình kết hôn và chung sống vợ chồng chị T, anh T1 có nhiều mâu thuẫn, anh T1 bỏ đi làm ăn xa và ly thân với chị T từ năm 2019 cho đến nay không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, hiện tại anh T1 không có mặt ở địa phương đi đâu chính quyền, địa phương không biết. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị Lương Thị T và anh Ngân Văn T1 không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn cho chị Lương Thị T được ly hôn với anh Ngân Văn T1.

Về con chung: Vợ chồng chị T có 02 người con chung là Ngân Văn T2, sinh ngày 02/12/2007 và Ngân Văn T3, sinh ngày 30/10/2013, hiện tại đang sinh sống cùng chị T, nếu ly hôn chị T có nguyện vọng trực tiếp nuôi 02 người con chung và không yêu cầu anh Ngân Văn T1 phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Do hiện nay anh T1 không có mặt ở địa phương, việc giao con cho anh T1 nuôi dưỡng là không đảm bảo điều kiện về mọi mặt của con. Xét thấy nguyện vọng của chị T là chính đáng, cháu T2 và cháu T3 có nguyện vọng được sinh sống cùng với chị T, để đảm bảo quyền lợi của các con nên xét giao 02 người con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi tròn 18 tuổi, trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Chị Lương Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên căn cứ vào khoản 1 Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Lương Thị T phải nộp án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 207; Điều 227; Điều 228; Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Lương Thị T.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị T được ly hôn với anh Ngân Văn T1. Chị Lương Thị T và anh Ngân Văn T1 chấm dứt quan hệ hôn nhân kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Giao 02 người con chung Ngân Văn T2, sinh ngày 02/12/2007 và Ngân Văn T3, sinh ngày 30/10/2013 cho chị Lương Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi tròn 18 tuổi, trưởng thành. Anh Ngân Văn T1 có quyền

thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở, vì lợi ích mọi mặt của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi cấp dưỡng nuôi con hoặc người trực tiếp nuôi con. Chị Lương Thị T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về án phí: Áp dụng khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Lương Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An theo biên lai thu tiền số 0000832 ngày 11/10/2023.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh NA;
- *VKSND huyện Con Cuông;*
- *Chi cục THADS huyện Con Cuông;*
- *Nguyên đơn, bị đơn;*
- *UBND xã Lạng khê;*
- *Lưu hồ sơ -VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Lữ Thị Dung